

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Văn Hứng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Trần Thị Dung**

2/ Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thùy My** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 613/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 947/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Y**, sinh năm 1972 (*Đề nghị giải quyết vắng mặt*).

Địa chỉ: khu phố V, thị trấn T, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông **Trần T**, sinh năm 1964 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: đường N, phường H, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Y trình bày:*** Bà và ông Trần T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 151, quyền số 01 ngày 11/12/2009. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc nhưng vài năm sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên tranh cãi, vợ chồng không có sự đồng cảm chia sẻ cho nhau. Hiện tại bà xác nhận không còn tình cảm với ông Trần T, mục đích hôn nhân

không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Đồng thời, ông bà đã ly thân hơn mười năm nay.

Vì vậy, bà Phạm Y khởi kiện yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trần T.
- Về con chung: Có 01 con chung là em Trần T (Giới tính nữ, sinh ngày 15/03/2004) đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Trần T: Mặc dù, đã được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không rõ ý kiến.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Phạm Y và ông Trần T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà Y có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa hai lần nhưng đương sự đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Y với ông Trần T qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2009. Theo trình bày của bà Phạm Y, sau khi kết hôn thời gian đầu đời sống vợ chồng khá hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Dẫn đến việc giữa vợ chồng đã ly thân nhiều năm. Hiện tại bà Phạm Y xác định không còn tình cảm với ông Trần T và mong muốn được ly hôn.

Mặc khác, ông Trần T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến Tòa án để được hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa ông T và bà Y đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc duy trì đời sống vợ chồng cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Y theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Theo hồ sơ thể hiện giữa ông Trần T với bà Phạm Y có 01 người con chung là em Trần Huyền Trang (giới tính: nữ, sinh ngày 15/03/2004). Xét, em Trần Huyền Trang đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Y trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Y về việc ly hôn với ông Trần T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Y được ly hôn với ông Trần T.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Trần T (Giới tính: nữ, sinh ngày 15/03/2004) đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Y chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000139 ngày 13/10/2022 sang thành án phí hôn nhân sơ thẩm phải chịu.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Hứng